HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2013/NQ-HĐND	*Đắk Nông, ngày 19 tháng 12 năm 2013*

NGHỊ QUYẾT
Về việc Thông qua Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quốc gia về việc làm;

Xét Tờ trình số 5166/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông "Về việc đề nghị thông qua Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2015"; Báo cáo thẩm tra số 233/BC-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu tham dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 - 2015 *(có Chương trình kèm theo).*

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa II, kỳ họp thứ 8 thông qua./..

CHỦ TỊCH

Điểu K'ré

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 19 tháng 12 năm 2013

CHƯƠNG TRÌNH
GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2014 - 2015

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số:30/2013/NQ-HĐND
Ngày19/12/2013 của HĐND tỉnh)

Phần I

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2009 – 2013

- **Tình hình lao động**

Dự báo đến hết năm 2013, dân số trên địa bàn tỉnh là 543.000 người, trong đó: số người trong độ tuổi lao động 326.700 người, chiếm 58,64%; dân số khu vực thành thị 55.200 người, chiếm 16,9%, khu vực nông thôn 271.500 người, chiếm 83,1%. Số lao động tham gia hoạt động trong nền kinh tế là 280.900 người, chiếm 52,01% dân số.

Những năm qua, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nội dung được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai với nhiều chương trình, giải pháp thiết thực và có hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực, chất lượng lao động đã được nâng lên. Đến cuối năm 2013, tỷ lệ lao động qua đào tạo tham gia hoạt động kinh tế đạt 32,5% (tăng 8,9% so với năm 2009), trong đó số lao động qua đào tạo nghề đạt 27%; số cơ sở dạy nghề đã tăng từ 12 cơ sở năm 2009 lên 19 cơ sở năm 2013; bình quân mỗi năm có khoảng 5.000 lao động được đào tạo nghề, trong đó trên 70% lao động sau khi học nghề có việc làm, thu nhập bảo đảm ổn định cuộc sống.

Tuy số lượng lao động qua đào tạo qua các năm đều tăng, song chất lượng lao động qua đào tạo nghề còn hạn chế, cơ cấu ngành nghề được đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động chung của cả nước. Phần lớn lao động qua đào tạo nghề là ở trình độ sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn với các nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp, kỹ năng nghề, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp của người lao động chưa cao.

II. Kết quả giải quyết việc làm giai đoạn 2009 – 2013

1. Kết quả giải quyết việc làm giai đoạn 2009 – 2013

- Giải quyết việc làm: Giai đoạn 2009 – 2013 đã giải quyết việc làm cho 84.486 lao động (bình quân giải quyết việc làm cho 16.897 người/năm). Trong đó, giải quyết việc làm trong nước là 83.482 người, chiếm 98,81%; giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động cho 1.004 người, chiếm 1,19%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khống chế ở mức 1,2%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn bình quân 85%;

- Hoạt động Xuất khẩu lao động (XKLĐ): Giai đoạn 2009 – 2013, bình quân mỗi năm toàn tỉnh có 200 người được giải quyết việc làm thông qua XKLĐ. Hiện tại số lao động trên địa bàn tỉnh đang làm việc ở nước ngoài có trên 2.000 người, tập trung chủ yếu ở các thị trường như: Đài Loan, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc,….

- Hoạt động cho vay vốn Giải quyết việc làm: Giai đoạn 2009 – 2013, nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm được Trung ương và tỉnh bổ sung là 24,760 tỷ đồng để cho vay theo các dự án hỗ trợ việc làm. Kết quả 5 năm (2009 – 2013) có 1.986 dự án được duyệt, với số tiền vay quay vòng trên 82,059 tỷ đồng.

- Hoạt động Tư vấn – Giới thiệu việc làm: Các Trung tâm Giới thiệu việc làm hoạt động trên địa bàn tỉnh đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho trên 19.208 lượt người, trong đó có trên 2.750 người tìm được việc làm, chiếm 3,25% số người được giải quyết việc làm;

- Hoạt động phối hợp với các đơn vị, tỉnh, thành phố: Trong 5 năm qua, số lao động được giới thiệu đi làm việc ngoài tỉnh đạt trên 2.000 người, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 500 lao động.

2. Đánh giá chung

2.1. Những mặt đạt được:

Các cấp, các ngành trong tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều giải pháp tổng hợp, sát thực tế và hiệu quả; thường xuyên, liên tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân và người lao động hiểu rõ trách nhiệm nhà nước và nhân dân cùng tạo việc làm.

Quy mô tuyển sinh dạy nghề tăng nhanh, các loại hình và hình thức dạy nghề phát triển đa dạng và phong phú, chất lượng dạy nghề được nâng lên. XKLĐ đã giúp cho một bộ phận người lao động và gia đình cải thiện đời sống, có nguồn vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh, xây dựng, sửa sang nhà cửa.

Công tác thông tin thị trường lao động đã có chuyển biến tích cực, cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động được cập nhật đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng lao động và người lao động tiếp cận, đáp ứng nhu cầu của cả hai phía.

2.2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:

Chất lượng việc làm chưa cao, tính ổn định, bền vững trong việc làm và hiệu quả tạo việc làm còn thấp, tỷ lệ lao động thất nghiệp, sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm còn nhiều; cơ cấu đào tạo nghề chưa hợp lý, một số lĩnh vực ngành nghề đào tạo ngắn hạn cho lao động nông thôn chưa đạt chất lượng.

Trình độ, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, ý thức chấp hành kỷ luật lao động của nhiều lao động trong tỉnh còn yếu. Công tác tư vấn giới thiệu việc làm tuy có cố gắng xong kết quả chưa cao. Tỷ lệ người được tư vấn và tìm được việc làm đạt thấp, mới chỉ chiếm 3,25% tổng số lao động được giải quyết việc làm. Công tác tuyên truyền và cung cấp thông tin về thị trường lao động chưa được rộng khắp đến từng người lao động, nhất là vùng sâu, vùng xa dẫn đến người lao động mất một số cơ hội trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp với sức khoẻ, trình độ tay nghề. Các dự án vay vốn giải quyết việc làm chủ yếu là dự án trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm trên 70%), đối tượng vay chủ yếu vẫn là hộ gia đình và mức vay không quá 20 triệu đồng/hộ, so với tình hình giá cả tăng cao như hiện nay thì

việc vay vốn để bổ sung vào nguồn vốn đầu tư chăm sóc cây trồng, vật nuôi, phân bón, máy móc, thiết bị… thật sự nhỏ lẻ so với nhu cầu đầu tư thực tế của người dân.

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chưa quan tâm đến công tác giải quyết việc làm cho người lao động bền vững từ khâu nhận thức, tuyên truyền vận động, tổ chức triển khai, kiểm tra giám sát. Chất lượng việc làm, thu nhập và năng suất lao động chưa được nâng lên

Phần II

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2014 – 2015

- **Sự cần thiết**

Đảng và Nhà nước ta xác định: Xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh". Trong thời kỳ đổi mới, nền kinh tế, đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt; Tuy nhiên, ở tỉnh ta nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người và khu vực nông thôn vẫn còn có một bộ phận dân cư đang phải sống trong cảnh nghèo đói, người lao động ở nông thôn thiếu việc làm, ở thành thị tỷ lệ thất nghiệp còn cao; sự phân hoá giàu nghèo đã và đang diễn ra mạnh mẽ là vấn đề mà xã hội cần quan tâm.

Năm 2013, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn là 85,75%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 1,25%; lực lượng lao động trong toàn tỉnh là 326.373 người, chiếm 60,50% dân số; lao động trong nhóm tuổi từ 15 – 34 là 177.373 người, chiếm 54,47% lực lượng lao động. Điều này đem lại lợi thế về nguồn lực trẻ dồi dào, có nhiều tiềm năng, thế mạnh nhưng đồng thời cũng là sức ép không nhỏ trong giải quyết việc làm cho người lao động do hạn chế về trình độ chuyên môn, tay nghề và kinh nghiệm. Mặt khác, giải quyết việc làm còn thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, không ngừng nâng cao chất lượng và số lượng việc làm trên địa bàn tỉnh. Do đó, việc xây dựng, ban hành Chương trình Giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2015 là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương.

II. Cơ sở pháp lý

Bộ Luật Lao động ngày 18/6/2012;

Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về việc làm;

Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015;

Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý quốc gia về việc làm.

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2014 – 2015

I. Quan điểm

1. Giải quyết việc làm là một trong những chương trình trọng điểm phát triển kinh tế xã hội, chính sách xã hội cơ bản, hướng ưu tiên trong toàn bộ các chính sách kinh tế và xã hội. Tăng việc làm nhằm phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, lành mạnh xã hội, đáp ứng yêu cầu bức xúc về tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.

2. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với cơ cấu kinh tế, kết hợp tăng trưởng việc làm với nâng cao chất lượng việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

3. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, xã hội, cá nhân đầu tư và tạo việc làm, phát triển thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và nước ngoài. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ trực tiếp giải quyết việc làm nhất là tín dụng ưu đãi việc làm, giới thiệu việc làm, dạy nghề, …

4. Tạo việc làm trên cơ sở phát triển thị trường lao động trong nước và mở rộng thị trường lao động ngoài nước; tập trung ưu tiên cho những đối tượng yếu thế trong thị trường lao động.

5. Tăng cường trách nhiệm các cơ quan Nhà nước trong công tác hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho người lao động, đồng thời, huy động tối đa và phát huy có hiệu quả nguồn lực sẵn có trong dân để tạo thêm nhiều việc làm mới.

II. Mục tiêu

- **Mục tiêu chung**

Hỗ trợ phát triển đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng cường xuất khẩu lao động và phát triển thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông, nâng cao chất lượng lao động, đặc biệt ở khu vực nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ổn định việc làm cho 350.000 người lao động đã có việc làm và giải quyết việc làm cho khoảng 36.200 lượt người trong 02 năm (2014 – 2015), bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 18.100 lượt người;

Hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa hộ giàu và hộ nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2015 chuyển dịch cơ cấu lao động ngành Nông – Lâm nghiệp xuống 64,3%; ngành Công nghiệp – Xây dựng chiếm 12,6%; ngành Thương mại – Dịch vụ chiếm 23,1 %;

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và khống chế ở mức 1,35%; nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn lên 86,5% vào năm 2015;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 35%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lên 31% vào năm 2015;

- Nâng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm đến 2015 là 12%;

- Phấn đấu giai đoạn 2014 – 2015 giải quyết việc làm mới cho 36.200 lượt người (bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 18.100 lượt người), trong đó xuất khẩu lao động 340 người; cho vay vốn giải quyết việc làm 4.500 lượt người; thông qua các Trung tâm Giới thiệu việc làm 1.600 lượt người; các phiên chợ, hội chợ việc làm là 600 lượt người; dạy nghề gắn với tạo việc làm 2.000 lượt người động và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội thu hút khoảng 27.160 lượt người.

III. Các Dự án của Chương trình

1. Dự án vay vốn tạo việc làm

1.1. Mục tiêu của Dự án:

Cho vay với lãi suất thấp từ Quỹ quốc gia về việc làm để tạo việc làm cho 4.500 lao động trong giai đoạn 2014 – 2015, chiếm 12,43% tổng số lao động được giải quyết việc làm.

1.2. Nhiệm vụ chủ yếu:

Cho các cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm;

Cho vay với lãi suất ưu tiên đối với các nhóm lao động yếu thế (lao động là người khuyết tật, lao động là người dân tộc thiểu số); đối với các dự án khởi sự doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh của thanh niên;

Cho vay để thực hiện các chương trình, dự án giải quyết việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, lao động thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động nữ nông thôn;

Thực hiện cho vay ủy thác đối với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Kinh phí thực hiện:

Tổng nguồn vốn để thực hiện Dự án là 43,3 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương bổ sung 8,5 tỷ đồng.

+ Ngân sách địa phương 34,8 tỷ đồng, trong đó: Nguồn vốn thu hồi cho quay vòng là 28,3 tỷ đồng; Quỹ GQVL địa phương bổ sung: 6 tỷ đồng *(đã được bố trí tại Kế hoạch số 82/KH-UBND của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và Dạy nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015)*. Nguồn vốn địa phương bổ sung: 500 triệu đồng.

2. Dự án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

2.1. Mục tiêu của Dự án:

Trong 02 năm (2014 – 2015) đưa khoảng 340 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trong đó có 40 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là thân nhân chủ yếu của gia đình chính sách có công với cách mạng và lao động thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ đào tạo lao động trình độ cao về kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động, hỗ trợ chi phí khám sức khoẻ, hộ chiếu, visa. Đến năm 2015, có khoảng 70% lao động được đào tạo nghề và 100% lao động được bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

2.2. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Hỗ trợ người lao động học nghề, ngoại ngữ, hiểu biết phong tục tập quán, pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động để đi làm việc ở nước ngoài;

- Hỗ trợ đào tạo lao động trình độ cao về kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động.

- Kinh phí thực hiện:

Trong giai đoạn 2014 – 2015 nguồn vốn cho người lao động vay đi làm việc ở nước ngoài là 3,08 tỷ đồng, bình quân 1,54 tỷ đồng/năm. Trong đó, đề nghị Ngân sách trung ương hỗ trợ là 2,68 tỷ đồng; địa phương: 0,4 tỷ đồng *(nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và Dạy nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 – 2015, đã được bố trí tại Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông)*.

3. Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động

3.1. Mục tiêu chung của Dự án:

Từng bước hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ s dữ liệu về thị trường lao động; nâng tỷ lệ lao động tìm được việc làm qua hệ thống Trung tâm Giới thiệu việc làm trên 10%; hiện đại hoá hoạt động giao dịch việc làm.

3.2. Các hoạt động của Dự án:

3.2.1. Đầu tư trụ sở làm việc và cơ sở đào tạo nâng cao năng lực Trung tâm Giới thiệu việc làm (TTGTVL):

- Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, các hạng mục xây lắp khác (lớp học, xưởng thực hành, nhà để xe, hạ tầng kỹ thuật khác) để năng lực hoạt động của Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh ngày càng được nâng cao, đưa TTGTVL từ chỗ chỉ tham gia các giao dịch việc làm đã tổ chức các sàn giao dịch việc làm định kỳ, thường xuyên, đưa sàn giao dịch việc làm dần dần trở thành địa chỉ quen thuộc cho người lao động cần tìm việc làm.

- Đầu tư nâng cao năng lực của Trung tâm Giới thiệu việc làm để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thị trường lao động; nâng cao năng lực hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.

- Kinh phí thực hiện: Giai đoạn 2014 – 2015: Tổng vốn đầu tư cho Trung tâm giới thiệu việc làm là: 25 tỷ đồng. Trong đó, vốn Trung ương đề nghị hỗ trợ là 17,5 tỷ đồng, vốn địa phương 7,5 tỷ đồng *(nguồn vốn này đã được phê duyệt tại Quyết định số 393/QĐ-UB ngày 15/3/2006 của UBND tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 325/QĐ-CTUBND ngày 15/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông).*

3.2.2. Nâng cao năng lực Trung tâm Giới thiệu việc làm, bao gồm:

a. Tổ chức Hội chợ, phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm lưu động thường xuyên tại các xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

- Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh;

- Điều tra lao động tiền lương và nhu cầu sử dụng lao động;

- Thu thập cơ sở dữ liệu cung lao động;

- Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2014 – 2015 là 0,45 tỷ đồng, trong đó: Kinh phí Trung ương là 0,20 tỷ đồng, kinh phí địa phương 0,25 tỷ đồng *(nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và Dạy nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 – 2015, đã được bố trí tại Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông).*

b. Thu thập giữ liệu cung lao động và xây dựng cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động điện tử, bao gồm:

- Theo dõi, thu thập và cập nhật hàng năm thông tin về Cung lao động cho cơ sở dữ liệu quốc gia về về thực trạng lao động, việc làm, thất nghiệp và biến động lao động qua từng thời kỳ trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức điều tra hàng năm về lao động, tiền lương và nhu cầu sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức điều tra hàng năm Cầu lao động điện tử để xây dựng cơ sở dữ liệu về cầu lao động của tỉnh;

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu về dạy nghề; lao động đi làm việc ở nước ngoài (bao gồm xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về dạy nghề và lao động đi làm việc ở nước ngoài; điều tra, khảo sát thu thập thông tin);

- Kinh phí thực hiện: 1,61 tỷ đồng; trong đó ngân sách Trung ương 0,6 tỷ đồng, ngân sách địa phương hỗ trợ 1,01 tỷ đồng *(đã được bố trí tại Kế hoạch số 82/KH-UBND của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và Dạy nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2015).*

4. Hoạt động nâng cao năng lực quản lý Lao động – Việc làm

4.1. Mục tiêu của Dự án:

Đảm bảo triển khai có hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

4.2. Nhiệm vụ chủ yếu:

Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác lao động việc làm và dạy nghề từ cấp xã trở lên cho khoảng 560 lượt cán bộ, trong đó cấp huyện 80 lượt, cấp xã 480 lượt;

Truyền thông, thông tin đến 100% xã, phường, thị trấn về các chính sách thị trường lao động, dạy nghề, việc làm và XKLĐ;

Tổ chức giám sát, kiểm tra độc lập và liên ngành về tình hình thực hiện Chương trình và Quỹ giải quyết việc làm trên cơ sở đánh giá, kiểm tra, giám sát để tìm ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót và triển khai thực hiện tốt hơn các mục tiêu đã đề ra;

Giám sát, đánh giá các hoạt động, dự án trong khuôn khổ Chương trình.

Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện giai đoạn 2014 – 2015 là 01 tỷ đồng từ ngân sách Trung ương theo Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và Dạy nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012 – 2015.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tập trung đầu tư phát triển sản xuất, thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế trọng điểm, giải quyết được nhiều việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp

1.1. Đối với ngành Công nghiệp – Xây dựng:

Tiếp tục đầu tư phát triển các khu công nghiệp, các chương trình, dự án bảo đảm phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm phát triển sản xuất kinh doanh và thu hút lao động vào làm việc. Ưu tiên thu hút các dự án sản xuất, các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn, các dự án có giá trị gia tăng cao, ít gây ô nhiễm môi trường và có nhu cầu sử dụng nhiều lao động đã qua đào tạo nghề. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, tăng cường xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển thương mại, khai thác thị trường nội địa, coi trọng thị trường nông thôn.

1.2. Đối với ngành Thương mại – Dịch vụ:

Tập trung phát triển các ngành thương mại dịch vụ, du lịch để nhanh chóng trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo ra nhiều việc làm, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu như: Các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, tài chính, ngân hàng, thông tin liên lạc, thương mại, vận tải, kho vận. Phát triển mạnh ngành du lịch, khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử của địa phương. Đầu tư có trọng điểm một số khu du lịch, đổi mới hoạt động dịch vụ, du lịch để thu hút khách trong và ngoài nước. Thực hiện liên kết giữa các tỉnh trong khu vực có tiềm năng du lịch để mở các tua du lịch liên tỉnh.

1.3. Đối với ngành Nông – Lâm nghiệp:

Quy hoạch ổn định các vùng sản xuất nông nghiệp, tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm, cây con có giá trị cao; lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ các chương trình, chính sách giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, xây dựng nông thôn mới nhằm giải quyết việc làm và

tăng thu nhập cho người lao động. Đẩy mạnh phổ biến kiến thức kinh doanh, phương thức làm ăn mới cho người lao động, phát triển nông nghiệp sạch với công nghệ cao, đặc biệt hỗ trợ nông dân đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường (sản xuất sản phẩm sạch, đảm bảo quy chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm). Phát triển bền vững các làng nghề truyền thống, ưu tiên cho các đối tượng lao động phải chuyển đổi nghề do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng làm tốt công tác bảo vệ rừng, trồng rừng đi đôi với khai thác, sử dụng rừng hợp lý, tăng thu nhập cho người trồng rừng; tập trung, quan tâm phát triển dịch vụ nông, lâm nghiệp, để giải quyết việc làm, nhằm thay đổi cơ cấu lao động trong nông, lâm nghiệp.

Tăng cường đầu tư và hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, trạm y tế, trường học.

2. Thực hiện có hiệu quả các dự án giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm

Các ngành, các cấp tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả đạt được của các dự án đã và đang triển khai; thu hồi kịp thời vốn của các dự án hết thời hạn để quay vòng cho các dự án mới. Tổng kết, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện các dự án giải quyết việc làm;

Lồng ghép các hoạt động của chương trình cho vay giải quyết việc làm và chương trình giảm nghèo để phát huy hiệu quả vốn vay; tạo việc làm mới và ổn định cuộc sống. Huy động thêm các nguồn vốn khác để cho vay giải quyết việc làm; tranh thủ các dự án viện trợ của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức nước ngoài; các hội đoàn thể huy động các nguồn vốn khác để hỗ trợ cho vay sinh kế tạo việc làm ổn định;

Phân bổ vốn ưu tiên các dự án mô hình kinh tế trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh làm ăn hiệu quả, khả thi, dựa trên thu nhập hàng năm chứ không căn cứ vào diện tích cây trồng, vật nuôi để tạo việc làm ổn định cho người chưa có việc làm, thiếu việc làm; gắn với sự phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp chế biến hàng nông sản, hàng gỗ gia dụng, hàng xuất khẩu để giải quyết thêm nhiều việc làm cho người lao động;

Cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chương trình giải quyết việc làm từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao năng lực quản lý lao động – việc làm cho cán bộ làm công tác quản lý, điều hành chương trình từ cấp tỉnh đến cấp xã;

Cho vay ưu đãi đối với các nhóm lao động yếu thế như: người đồng bào dân tộc thiểu số, người tàn tật, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật nhằm tránh nguy cơ mất việc làm, ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng;

Vận động các nhà đầu tư, các doanh nghiệp được giao đất, cho thuê đất sản xuất kinh doanh, các tổ chức, cá nhân thu hút lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, vùng bị thu hồi đất nông nghiệp vào làm việc.

3. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động

Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền về các điều kiện, tiêu chuẩn khi tham gia thị trường lao động ngoài nước, đồng thời giúp các gia đình nhận rõ

trách nhiệm và thực hiện tốt cam kết với địa phương, giáo dục vận động con em tham gia và thực hiện tốt hợp đồng XKLĐ, không tự ý phá vỡ hợp đồng, cư trú bất hợp pháp tại nước sở tại;

Ban chỉ đạo XKLĐ của tỉnh chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hiệp hội các doanh nghiệp XKLĐ Việt Nam để mời, gọi các doanh nghiệp hoạt động tốt, có kinh nghiệm và uy tín về tỉnh tuyển lao động và hợp tác thực hiện dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về Việc làm và Dạy nghề. Mở rộng và phát triển thị trường XKLĐ theo hướng mở rộng và duy trì các thị trường truyền thống, các nước có thu nhập cao, việc làm ổn định; hạn chế thị trường có nhiều rủi ro đồng thời khai thác và tạo mở một số thị trường mới có nhiều tiềm năng;

Tăng cường các biện pháp chỉ đạo nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, nhất là cấp xã trong việc phối hợp với doanh nghiệp tuyển lao động đi XKLĐ; phối hợp giáo dục, quản lý lao động để khắc phục tình trạng lao động bỏ trốn, vi phạm pháp luật của nước sở tại. Tổ chức nhân rộng mô hình liên kết cấp xã với các đơn vị làm tốt công tác XKLĐ;

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đào tạo theo hợp đồng và cần bám sát dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành nghề, trình độ cần đào tạo, tiến tới thực hiện XKLĐ kỹ thuật, có nghề sang thị trường có thu nhập cao;

Đảm bảo đủ nguồn vốn, đồng thời cải tiến các thủ tục cho vay vốn nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động khi đã có hợp đồng đi XKLĐ;

Tăng cường chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động XKLĐ, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra giám sát hoạt động của các doanh nghiệp XKLĐ trên địa bàn tỉnh.

4. Nâng cao năng lực dạy nghề và giới thiệu việc làm

4.1. Phát triển chương trình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, XKLĐ.

Chuyển mạnh định hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và của cả nước nói chung;

Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề;

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với việc làm. Nâng cao khả năng tự tạo, tự tìm việc làm của người lao động; ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho các lao động thuộc dân tộc thiểu số, nông thôn, thuộc hộ nghèo, là người tàn tật hoặc thuộc hộ có đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi.

4.2. Công tác tư vấn giới thiệu việc làm

Xây dựng, mở rộng quy mô, đa dạng hóa hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm, của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh. Nâng cấp Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh thành Trung tâm giới thiệu việc làm trọng điểm để tư vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề ngắn hạn có chất lượng đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và xuất khẩu lao động. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

Phối hợp chặt chẽ với các khu công nghiệp, các doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố khu vực Đông Nam Bộ để giới thiệu, đưa lao động đi làm việc ở các nhà máy, các khu công nghiệp trong nước;

Đa dạng hóa các kênh giao dịch trên thị trường lao động thông qua các hệ thống thông tin, quảng cáo, trang tin việc làm trên các báo, đài và tổ chức các hội chợ việc làm để tạo điều kiện cho các quan hệ giao dịch trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động ký kết các hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật;

Phát huy vai trò của Trung tâm Giới thiệu việc làm: gắn kết, phối hợp cung cấp thông tin, dự báo cung – cầu lao động và các dịch vụ khác về lao động – việc làm theo nhu cầu của thị trường lao động; xây dựng phương án trợ giúp người lao động, khuyến khích các đơn vị và cá nhân thu hút, tự tạo việc làm cho người lao động;

Tổ chức thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về việc làm, dạy nghề và học nghề, thị trường lao động.

5. Điều tra, thống kê thị trường lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động

Củng cố, mở rộng và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động trong tỉnh; đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời những diễn biến của thị trường lao động; đẩy mạnh công tác thu thập thông tin thị trường lao động trong tỉnh có kết nối với các tỉnh khác trong toàn quốc, đặc biệt là ở các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung, các công ty có chức năng xuất khẩu lao động để giới thiệu việc làm cho người lao động trong tỉnh;

Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin về thị trường lao động, thông tin về lao động – việc làm trên địa bàn toàn tỉnh thông qua các cuộc điều tra;

Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý biến động lao động trong các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh tế, bằng việc quy định trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo thống kê tình hình tăng giảm lao động theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, một năm và chế độ báo cáo thống kê tình hình thu hút lao động của tất cả các chương trình, dự án phát triển kinh tế – văn hoá – xã hội của các tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh nhằm kiểm tra chặt chẽ tình hình lao động việc làm trong từng thời điểm và cả kỳ kế hoạch của tỉnh.

6. Tuyên truyền, tăng cường và nâng cao chất lượng, năng lực quản lý nhà nước về lao động việc làm.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, giúp doanh nghiệp, người lao động nắm bắt kịp thời các chính sách pháp luật lao động, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, tác phong trong lao động sản xuất;

Nâng cao năng lực quản lý lao động, việc làm và kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác giải quyết việc làm, XKLĐ nhằm chuẩn hoá và phổ biến kiến thức, kỹ năng quản lý lao động, kỹ năng điều hành triển khai các chương trình, dự án về việc làm;

Tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm trong lĩnh vực giới thiệu việc làm, XKLĐ.

V. Nguồn lực tài chính

Tổng nguồn vốn để thực hiện chương trình: 74,440 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn từ Trung ương hỗ trợ, bổ sung: 30,480 tỷ đồng;

- Nguồn vốn địa phương: 43,960 tỷ đồng, chia ra:

+ Nguồn vốn giải quyết việc làm thu hồi cho vay lại: 28,3 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn đã được bố trí (từ Chương trình mục tiêu Quốc gia Việc làm và Dạy nghề và các chương trình khác) là: 15,16 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn của Chương trình cần bổ sung: 0,5 tỷ đồng.

Phần IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014 – 2015 và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

CHỦ TỊCH

Điểu K'ré